

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 02/VILACONIC/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN VILACONIC

Địa chỉ: Km700 (Quốc lộ 46), Đường Nghệ An - Xiêng Khoảng, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 02383 747 999

Fax: .....

Mã số doanh nghiệp: 2901274715

Số Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 số 0024.001.024/FSMS. Ngày cấp 25/03/2024, nơi cấp CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HTSC.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: GẠO NÉP 5% TÂM - GLUTINOUS RICE 5% BROKEN

2. Thành phần: Gạo nếp 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 5 kg/túi, 20kg/túi và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PP. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Việt Nam

- Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC TRỌNG TÂM

- Địa chỉ trụ sở: Ấp 1, Đường Bảo Định Giang, Xã Cái Bè, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

- Địa chỉ sản xuất: Ấp An Hiệp, Xã Cái Bè, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ **QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm**

+ **QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm**

- Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: **TCVN 11888:2017 Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về gạo trắng.**

- Thông tư của các bộ, ngành: **Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.**

- Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 02/VILACONIC/2026, ban hành ngày 30/03/2026.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nghệ An, ngày      tháng      năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hoàng Văn Ngạn*

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

|                                                                                                                                                                                         |                                                          |                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------|
| CÔNG TY CỔ PHẦN VILACONIC                                                                                                                                                               | TÊN SẢN PHẨM                                             | Số TCCS<br>02/VILACONIC/2026 |
| <b>Địa chỉ:</b> Km700 (Quốc lộ 46), Đường Nghệ An - Xiêng Khoảng, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.<br><b>Điện thoại:</b> 02383 747 999<br><b>Mã số doanh nghiệp:</b> 2901274715 | <b>GAO NẾP 5% TẮM -<br/>GLUTINOUS RICE<br/>5% BROKEN</b> | Có hiệu lực từ ngày ký       |

### I.YÊU CẦU KỸ THUẬT

#### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

| STT | Tên chỉ tiêu | Yêu cầu                                                                                                         |
|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Trạng thái   | Dạng hạt, khô, rời, kích thước tương đối đồng đều; không ẩm mốc, không sâu mọt, không lẫn tạp chất hoặc vật lạ. |
| 2   | Màu sắc      | Màu trắng đặc trưng của gạo, màu sắc tương đối đồng đều, không bị sẫm màu hoặc biến màu bất thường.             |
| 3   | Mùi          | Mùi thơm đặc trưng của gạo, dễ chịu, không có mùi mốc hoặc mùi lạ.                                              |
| 4   | Vị           | Vị ngọt nhẹ tự nhiên của gạo khi nấu chín, không chua, không đắng, không có vị lạ.                              |

#### 1.2. Chỉ tiêu độc tố vi nấm (Theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm và Theo TCVN 11888:2017 Gạo trắng)

| STT | Tên chỉ tiêu      | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|-------------------|--------|-----------------|
| 1   | Aflatoxin B1      | µg/kg  | 5               |
| 2   | Aflatoxin tổng số | µg/kg  | 10              |

#### 1.3. Chỉ tiêu kim loại nặng (Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm và Theo TCVN 11888:2017 Gạo trắng)

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|--------------|--------|-----------------|
| 1   | Cadimi       | mg/kg  | 0,4             |
| 2   | Arsen        | mg/kg  | 1               |
| 3   | Chì          | mg/kg  | 0,2             |

#### 1.4. Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (Theo Thông tư 50/2016/TT-BYT thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm)

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|--------------|--------|-----------------|
| 1   | 2,4-D        | mg/kg  | 0,1             |



|    |                                                                             |       |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-------|------|
| 2  | Acephate                                                                    | mg/kg | 1    |
| 3  | Azoxystrobin                                                                | mg/kg | 5    |
| 4  | Carbaryl                                                                    | mg/kg | 1    |
| 5  | Tổng của Benomyl, Carbendazime và Thiophanate-methyl, tính theo Carbendazim | mg/kg | 2    |
| 6  | Carbofuran và 3-hydroxy Carbofuran, tính theo Carbofuran                    | mg/kg | 0,1  |
| 7  | Chlorantraniliprole                                                         | mg/kg | 0,04 |
| 8  | cis- and trans-chlordane                                                    | mg/kg | 0,02 |
| 9  | Chlorpyrifos                                                                | mg/kg | 0,5  |
| 10 | Chlorpyrifos-methyl                                                         | mg/kg | 0,1  |
| 11 | Clothianidin                                                                | mg/kg | 0,5  |
| 12 | Cycloxydim                                                                  | mg/kg | 0,09 |
| 13 | Cyhalothrin                                                                 | mg/kg | 1    |
| 14 | Cypermethrin                                                                | mg/kg | 2    |
| 15 | Dichlorvos                                                                  | mg/kg | 0.15 |
| 16 | Diflubenzuron                                                               | mg/kg | 0,01 |
| 17 | Dinotefuran                                                                 | mg/kg | 0,3  |
| 18 | Etofenprox                                                                  | mg/kg | 0,01 |
| 19 | Fenthion                                                                    | mg/kg | 0,05 |
| 20 | Fipronil                                                                    | mg/kg | 0,01 |
| 21 | Flutolanil                                                                  | mg/kg | 1    |
| 22 | Glufosinate-Ammonium                                                        | mg/kg | 0,9  |
| 23 | Imazamox                                                                    | mg/kg | 0,01 |
| 24 | Imazapic                                                                    | mg/kg | 0,05 |
| 25 | Iprodione                                                                   | mg/kg | 10   |
| 26 | Mesotrione                                                                  | mg/kg | 0,01 |
| 27 | Methamidophos                                                               | mg/kg | 0,6  |
| 28 | Paraquat cation                                                             | mg/kg | 0,05 |
| 29 | Tebuconazole                                                                | mg/kg | 1,5  |
| 30 | Tebufenozitle                                                               | mg/kg | 0,1  |
| 31 | Thiacloprid                                                                 | mg/kg | 0,02 |
| 32 | Triazophos                                                                  | mg/kg | 0,6  |
| 33 | Trifloxystrobin                                                             | mg/kg | 5    |

27471

NG TY  
PHAI  
ACON

HU - T

## II. THÔNG TIN SẢN PHẨM

**1. Thành phần:** Gạo Nếp 100%

**2. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 5 kg/túi và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

*Handwritten signature*

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 5 kg/túi và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PP. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

### 3. Hướng dẫn sử dụng:

1. Vo gạo thật kỹ.
2. Cho 1 chén gạo vào 0.9 chén nước trong nồi cơm điện.
3. Để yên trong 10 phút trước khi dùng.

**4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: Xem “ngày/tháng/năm” in trên bao bì.

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**5. Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi sản phẩm khi có dấu hiệu mốc hoặc có mùi lạ.

**6. Xuất xứ:** Việt Nam

**7. Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa:**

**Nhà sản xuất:** CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC TRỌNG TÂM

Địa chỉ trụ sở: Ấp 1, Đường Bảo Định Giang, Xã Cái Bè, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Ấp An Hiệp, Xã Cái Bè, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**Nhà phân phối:** CÔNG TY CỔ PHẦN VILACONIC

Địa chỉ: Km700 (Quốc lộ 46), Đường Nghệ An - Xiêng Khoảng, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 02383 747 999

Nghệ An, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hoàng Văn Ngạn*

